

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 14-03-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Minh Hiền

Ông Trương Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1959

Nơi cư trú: Thôn Khang Bình, xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn Lộc Xá, xã Quảng Long, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Công H, sinh năm: 1974 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1974

Cùng cư trú tại: Thôn Ry, xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1. Vợ chồng chị Bùi Thị N, sinh năm 1988 và anh Lê Quốc T, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn Bái, xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Chị Vương Thị D, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Số nhà 14 đường Hà Văn Mao, phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn Lộc Xá, xã Quảng Long, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Hoàng Thị Q trình bày: Do có quen biết từ trước, nên năm 2022 bà Nguyễn Thị D có nhờ chị Q tìm mua giúp thửa đất tại huyện Bá Thước. Sau đó chị Quỳnh có giới thiệu cho bà D mua thửa đất số 79, tờ bản đồ số 44, có diện tích 755,9m² tại thôn Ry, xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 054915 do UBND huyện Bá Thước cấp ngày 09/11/2012 cho ông Trương Công H và bà Bùi Thị T.

Thửa đất trên ông H, bà T giao cho chị Bùi Thị Ng và anh Lê Quốc T là cháu ruột của ông H tìm người cần mua để chuyển nhượng. Ngày 13/7/2022, chị Ng ký “Hợp đồng đặt cọc mua bán bất động sản” để chuyển nhượng lô đất này cho chị Vương Thị D và nhận số tiền cọc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Ngày 22/7/2022 chị D ký “Hợp đồng đặt cọc mua bán bất động sản” với chị Q để chuyển nhượng lô đất này cho bà Nguyễn Thị D. Chị D nhận đủ số tiền cọc là 50.000.000 đồng do bà D chuyển cho chị Q để thanh toán tiền đặt cọc giúp bà D. Sau đó bà D đã thanh toán đủ số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) để thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Chị Q đã thanh toán đầy đủ số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu đồng) cho chị D (có giấy xác nhận); Chị D cũng đã thanh toán đầy đủ cho chị Ng và anh T số tiền 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu đồng) (có giấy xác nhận nhận tiền).

Sau khi chị Q và bà D thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền cho chị Ngân, anh Toàn, ngày 04/8/2022, vợ chồng ông Trương Công H, bà Bùi Thị T đã ký Hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 79, tờ bản đồ số 44, có diện tích 755,9m² theo Giấy CN quyền sử dụng đất quyền nêu trên. Tuy nhiên khi bà Nguyễn Thị Dũng nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bá Thước thì ông Hốt, bà Toàn không hợp tác, không ký sơ đồ trích đo thửa đất để sang tên cho bà Dũng theo cam kết trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/8/2022 với lý do chưa nhận được số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nêu trên.

Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận hiệu lực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/8/2022 giữa bà D và ông Trương Công H, bà Bùi Thị T.

- Công nhận việc bà D đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho ông H, bà T.

- Buộc ông H, bà T phải thực hiện nghĩa vụ giao đất và toàn bộ giấy tờ có liên quan đến thửa đất cho bà D. Không được cản trở việc bà D trong quá trình xin cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2024 bị đơn ông Trương Công H và bà Bùi Thị T trình bày: Vợ chồng ông Hốt, bà Toan có mảnh đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 44, có diện tích 755,9m² tại thôn Ry, xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 054915 do UBND huyện Bá Thước cấp ngày 09/11/2012. Sau đó ông Hốt, bà Toan bán cho vợ chồng chị Bùi Thị Ngân và anh Lê Quốc Toàn với giá 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Đến khoảng tháng 7 năm 2022, anh Toàn và chị Ngân nói với ông, bà ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hứa 15 phút sau sẽ đưa lại tiền bán đất nhưng sau đó thì chị Ng, anh T vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho ông Hốt, bà Toan.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D thì ông H, bà T yêu cầu chị Bùi Thị Ng và anh Lê Quốc T phải trả lại cho ông, bà số tiền bán đất là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) thì ông Hốt, bà Toan mới đồng ý ký thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Dũng

Tại bản tự khai ngày 10/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Ng trình bày: Vào khoảng năm 2022 do có nhu cầu bán đất nên ông Trương Công Hốt và bà Bùi Thị Toan có liên hệ với chị để bán mảnh đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ 44 có diện tích 755,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 054915 do Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước cấp ngày 09/11/2012 cho ông Hốt và bà Toan cho chị Vương Thị Dịu với giá 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Sau đó chị Vương Thị Dịu bán mảnh đất trên cho bà Nguyễn Thị Dũng (do chị Hoàng Thị Quỳnh đứng ra giao dịch hộ) với giá 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Sau khi giao dịch thì chị Dịu đã thanh toán cho vợ chồng chị và anh Lê Quốc Toàn đủ số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Tuy nhiên do thời gian đó gia đình gặp khó khăn, chị Ngân đã trả số tiền trên cho người khác nên chưa trả tiền lại cho ông Hốt và bà Toan được. Vì vậy ông H và bà T không đồng ý ký kết các giấy tờ chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị D.

Đối với yêu cầu khởi kiện thì chị Ng xin được trả dần số tiền bán đất 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) cho ông Trương Công H và bà Bùi Thị T để ông H và bà T thực hiện thủ tục sang tên cho bà Nguyễn Thị D.

Tại bản tự khai ngày 17/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vương Thị D trình bày:

Vào khoảng năm 2022 chị Bùi Thị Ng có liên hệ với chị D để bán mảnh đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ 44 có diện tích 755,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 054915 do Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước cấp ngày 09/11/2012 cho ông Hốt và bà Toan với giá 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Sau đó chị bán mảnh đất trên cho bà Nguyễn Thị Dũng (do chị Hoàng Thị Quỳnh đứng ra giao dịch hộ) với giá 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Sau khi giao dịch thì chị Dịu đã thanh toán tiền cho vợ chồng chị Bùi Thị Ngân và anh Lê Quốc Toàn đủ số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Vào ngày 04/8/2022 bà Nguyễn Thị Dũng và ông Trương Công Hốt, bà Bùi Thị Toan có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Chị D cũng không biết việc chị Bùi Thị Ngân và anh Lê Quốc Toàn chưa

thanh toán tiền mua đất lại cho ông H, bà T.

Đối với yêu cầu khởi kiện thì chị không có liên quan, vì chị Dịu đã trả đủ số tiền mua đất cho như đã thỏa thuận với chị Ngân, anh Toàn. Còn việc trả tiền đất giữa chị Ngân, anh Toàn và ông H, bà T và việc sang tên làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Dũng với ông Hốt, bà Toan thì chị Dịu không có liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập họp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc Toàn đến tòa án để làm bản tự khai nhưng anh Toàn vắng mặt nên không có lời khai của anh Toàn trong hồ sơ vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Hoàng Thị Quỳnh đề nghị không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng ông Hốt, bà Toan, chị Ngân và anh Toàn không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự. Chị Ngân và anh Toàn, chị Dịu cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngân và anh Toàn, chị Dịu .

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 116, 117, 119, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dũng về việc Công nhận hiệu lực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/8/2022 giữa bà Dũng với ông Trương Công Hốt và bà Bùi Thị Toan. Buộc ông Hốt và bà Toan phải thực hiện nghĩa vụ giao đất và toàn bộ giấy tờ có liên quan đến thửa đất cho bà Dũng. Không được cản trở việc bà Dũng trong quá trình xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về án phí: Ông H, bà T, chị Ngân, anh Toàn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị D có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Hốt, bà Toan. Do các bên không thống nhất được với nhau nên bà Dũng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/8/2022 giữa bà và ông Trương Công H, bà Bùi Thị T. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây gọi tắt là BLTTDS).

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xâu chuỗi các sự kiện cho thấy bản chất của vấn đề trong vụ án này là vợ chồng ông H, bà T có nhu cầu chuyển nhượng mảnh đất thuộc thửa đất số 79, tờ

bản đồ 44 có diện tích 755,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 054915 do Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước cấp ngày 09/11/2012 mang tên ông Trương Công H. Ông H và bà T chuyển nhượng mảnh đất này cho vợ chồng cháu ruột là chị Ngân và anh Toàn với giá chuyển nhượng 230.000.000 đồng, sau đó chị Ngân liên hệ với chị Dịu và vợ chồng chị Ngân đứng ra bán mảnh đất này cho chị Dịu với giá chuyển nhượng 240.000.000 đồng, chị Dịu mua mảnh đất này và bán sang tay cho bà Dũng thông qua chị Quỳnh với giá chuyển nhượng 270.000.000 đồng. Như vậy xác định trong vụ án này ông Hót và bà Toan là người có nhu cầu chuyển nhượng đất thực sự và bà D là người có nhu cầu mua đất thực sự. Vợ chồng chị Ngân, anh Toàn, chị Dịu, chị Quỳnh chỉ là cầu nối, môi giới để kiếm tiền chênh lệch.

[2.2]. Xét cụ thể Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/8/2022 giữa vợ chồng ông Trương Công H và bà Bùi Thị T với bà Nguyễn Thị D đối với phần đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ 44 có diện tích 755,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 054915 do Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước cấp ngày 09/11/2012 cho ông H và bà T. Hai bên đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có sự chứng kiến và xác nhận của Văn phòng công chứng Lê Văn Khang, giá chuyển nhượng là 250.000.000 đồng. Các bên xác lập hợp đồng này đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ mục đích của mình. Như vậy xác định giao dịch chuyển nhượng mảnh đất của vợ chồng ông Hót và bà Toan cho bà Dũng là hoàn toàn hợp pháp cần được công nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu của vợ chồng ông H và bà T cho rằng: Vợ chồng ông bán mảnh đất này cho chị Ngân và anh Toàn nhưng chị Ngân và anh Toàn chưa thanh toán tiền cho vợ chồng ông nên ông bà yêu cầu chị Ngân và anh Toàn phải trả cho ông bà số tiền bán đất 230.000.000 đồng thì ông bà mới đồng ý ký thủ tục chuyển nhượng đất cho bà Dũng. Tuy ông bà cho rằng bán đất cho chị Ngân và anh Toàn nhưng hai bên không ký kết hợp đồng với nhau mà ông bà ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông bà cho bà Dũng, hợp đồng có công chứng. Trong hợp đồng công chứng giữa bà Dũng với ông Hót, bà Toan đã thỏa thuận: “ Hai bên thực hiện việc giao và nhận tiền của việc chuyển nhượng bất động sản nêu trên theo đúng thời hạn và phương thức mà hai bên đã thỏa thuận trước khi ký hợp đồng này”. Điều này chứng tỏ vợ chồng chị Ngân và anh Toàn chỉ là người đứng ra bán hộ và cầm tiền hộ ông bà Hót Toan. Ý chí chủ quan của ông Hót và bà Toan đồng ý cho vợ chồng chị Ngân và anh Toàn đứng ra làm việc này. Chị Ngân thừa nhận đã nhận số tiền chuyển nhượng đất 240.000.000 đồng từ chị Dịu (số tiền này chị Dịu đã nhận của bà Dũng). Bà Dũng đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền. Tuy nhiên vợ chồng chị Ngân không đưa cho vợ chồng ông Hót và bà Toan. Vợ chồng ông Hót và bà Toan yêu cầu vợ chồng chị Ngân và anh Toàn phải trả cho vợ chồng ông số tiền chuyển nhượng đất như đã thỏa thuận ban đầu là 230.000.000 đồng , vì vậy cần buộc vợ chồng chị Ngân và anh Toàn phải trả cho vợ chồng ông H và bà T số tiền 230.000.000 đồng.

[2.4]. Do Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/8/2022 giữa vợ chồng ông Trương Công H và bà Bùi Thị T với bà Nguyễn Thị D là Hợp pháp và được công nhận có hiệu lực nên bà Nguyễn Thị D có quyền của người sử dụng đất hợp pháp, có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc sang

tên, đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật. Buộc ông H, bà T phải thực hiện nghĩa vụ giao đất và toàn bộ giấy tờ có liên quan đến thửa đất cho bà D. Không được cản trở việc bà D trong quá trình xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên vợ chồng ông H và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Buộc vợ chồng chị Ng và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này bằng $230.000.000 \times 5\% = 11.500.000$ đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 116, 117, 119, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự; Khoản 3 điều 26, khoản 2 điều 227, điều 228, khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Công nhận hiệu lực của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/8/2022 giữa vợ chồng ông Trương Công H và bà Bùi Thị T với bà Nguyễn Thị D đối với phần đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ 44 có diện tích $755,9m^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 054915 do Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước cấp ngày 09/11/2012 mang tên ông Trương Công H.

Bà Nguyễn Thị D có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc sang tên, đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

Buộc vợ chồng ông H và bà T phải thực hiện nghĩa vụ giao đất và toàn bộ giấy tờ có liên quan đến thửa đất cho bà D. Không được cản trở việc bà D trong quá trình xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc vợ chồng chị Bùi Thị Ng và anh Lê Quốc T phải trả cho vợ chồng ông H và bà T số tiền 230.000.000 đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Từ khi vợ chồng ông Trương Công H và bà Bùi Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền vay, hàng tháng vợ chồng chị Bùi Thị Ng và anh Lê Quốc T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Trương Công H và bà Bùi Thị T phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc vợ chồng chị Bùi Thị Ng và anh Lê Quốc T phải nộp 11.500.000 đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn của bà Nguyễn Thị D và bị đơn vợ chồng ông Trương Công H và bà Bùi Thị

T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Q. Vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng chị Bùi Thị Ng, anh Lê Quốc T và chị Vương Thị D. Bà Nguyễn Thị D, ông Trương Công H, bà Bùi Thị T và chị Hoàng Thị Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Ng, anh Lê Quốc T và chị Vương Thị D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Văn Bình

Trương Văn Dũng

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Quách Hà Vĩnh

Lưu Đình Tâm

Phạm Văn Hùng

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Văn Hùng**